TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ – ST
Ngày 15 - 7 - 2021
"V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái.

2. Bà Lê Thị Bích Thuần.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1942,

Địa chỉ: Thôn T, xã , huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn năm 1995, được Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11 tháng 10 năm 1995; trước khi kết hôn hai bên tự do

tìm hiểu, cưới có tổ chức, sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh H1 làm dâu, ở chung cùng gia đình anh H1, được ít thời gian sau thì vợ chồng ra ở riêng trên đất và nhà hiện tại, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, gần đây mâu thuẫn xảy ra căng thẳng, vợ chồng tuy sống chung một mái nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; nguyên nhân mâu thuẫn chị yêu cầu ly hôn anh H1 là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau, theo chị là do anh H1 không chung thủy, có quan hệ bất chính, không trong sáng ra bên ngoài, chị bắt được và có lần Ban Công an thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên cũng lập biên bản về hành vi quan hệ bất chính của anh H1, có lần thực hiện hành vi cố ý gây thương tích với người khác bị Ban Công an xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên lập biên bản vi phạm hành chính; nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1996 và cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1997; do cháu O đã có gia đình riêng, cháu D cũng đã thành niên, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về chia tài sản: Quá trình chung sống từ năm 1998 chị và anh H1 được bố mẹ anh H1 là cụ Nguyễn Văn T (đã chết năm 2017) và cụ bà Đỗ Thị C tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 330m^2, ở thửa đất số 556, (trong đó có 300m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây lâu năm) tại tờ bản đồ số 17, ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi ở và xây dựng tài sản hiện nay; đến năm 2002 diện tích đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, ban đầu đứng tên anh H1, đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 anh chị đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 516621; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH: 00823, diện tích hiện trạng là 480.0m^2 diện tích đất này không dùng để thế chấp, vay vốn ở bất kỳ tổ chức tín dụng nào; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn 01 tầng 01 tum, đổ mái bằng, xây năm 2010, diện tích sử dụng 81.0m^2; 01 sân gạch trước nhà diện tích sử dụng 66m^2; 01 lán mái tôn lát gạch diện tích sử dụng 25.0m^2 và có sân gạch ở dưới; 01 nhà vệ sinh khép kín đổ mái bằng diện tích sử dụng là 9.0m^2; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2; trên đất còn có hệ thống tường bao loan xung quanh thửa đất, 01 nhà bếp được xây bằng tường gạch mái ngói diện tích 9.0m^2; những tài sản trên đất là do anh chị trực tiếp xây dựng lên, các con của anh chị ở thời điểm tạo dựng tài sản còn nhỏ nên không có công sức gì. Ly hôn với anh H1; đối với tài sản là diện tích đất chị yêu cầu chia đôi diện tích đất này cho chị để chị lấy chỗ ăn ở; về phần tài sản là nhà lớn, lán mái tôn, sân gạch, nhà vệ sinh khép kín chị xin sử dụng và thanh toán

chênh lệch cho anh H1 ½ giá trị tài sản vì anh chị có công sức ngang nhau trong việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản này; đối với 01 gian bếp xây gạch đã cũ và hệ thống tường bao loan trên diện tích đất, do các công trình này được xây dựng đã lâu, đã cũ, giá trị sử dụng không còn và có thể dỡ bỏ, các cây cối trên đất có thể chặt bỏ hoặc di dời được nên chị không yêu cầu chia.

Về công nợ: Chị và anh H1 không nợ chung gì của ai và không cho ai vay chung; không nợ của bất kỳ tổ chức tín dụng nào, ly hôn chị không đề nghị gì về công nợ; về đất canh tác: Chị và anh H1 không có chung nhau, ly hôn chị cũng không đề nghị gì.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày và xác nhận: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng sống chung sống như chị H trình bày là đúng; xong nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản là do hai vợ chồng không hòa hợp được tính nết, chị H thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ anh không chung thủy nên dẫn đến gia đình lục đục, mâu thuẫn; chị thường không cho anh quan hệ giao du với bạn bè, người thân trong xã hội cũng như gia đình; có lần mâu thuẫn chị còn đem cả quần áo của anh đi đốt; nay do chị H cương quyết không về đoàn tụ nên anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn anh cũng nhất trí, việc anh thuận tình ly hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc gì.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có hai con chung là các cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1996 và cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1997, do cháu O đã có gia đình riêng, cháu D cũng đã thành niên, việc cháu ở với ai do cháu quyết định, nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh xác nhận anh chị có những tài sản như chị H trình bày; về phần các tài sản, công trình xây dựng trên đất, đồ dùng sinh hoạt anh nhất trí chia ½ cho anh và chị H đều được sử dụng, ngăn đôi, chia cắt của anh và chị H để anh chị đều được sử dụng không ai phải thanh toán chênh lệch cho ai; về diện tích đất anh cũng xác định nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ anh cho, diện tích ban đầu được cho tặng là 330m^2, sau đó khi anh và chị H xây nhà lớn thì mẹ anh là cụ Đỗ Thị C cho tiếp diện tích như đo hiện trạng là 480m^2 nên anh không nhất trí chia theo yêu cầu của chị H vì bố mẹ anh cho riêng anh, không phải cho chị H nên anh không nhất chí chia đất cho chị H.

Anh cũng xác nhận anh chị không có nợ chung gì của ai và không cho ai vay chung; không nợ của bất kỳ tổ chức tín dụng nào, diện tích đất không dùng để cầm cố, thế chấp ở đâu; về đất canh tác: Anh cũng không đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị C trình bày: Bà là mẹ của anh H1, chồng bà là ông Nguyễn Văn T đã chết, không để lại di chúc; anh H1 và chị H kết hôn năm 1995, sau khi kết hôn chị H về gia đình bà làm dâu, ở chung cùng gia đình bà được thời gian ngắn anh chị được vợ chồng bà cho ra ở riêng trên đất và nhà hiện tại, ban đầu khi ra ở riêng chỉ có nhà cấp bốn tranh tre cũ, sau đó anh H1, chị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi anh chị ăn nên, làm ra đến năm 2010 anh chị đã phá bỏ ngôi nhà cũ, xây dựng nhà mới là nơi ở hiện tại, khi xây dựng anh H1, chị H có hỏi xin thêm của vợ chồng bà diện tích đất khoảng 3m chiều rộng mặt đường xóm, kéo dài hết diện tích đất ở phần đất tiếp giáp diện tích đất đứng tên bà để anh chị xây nhà cho rộng và bà nhất trí cho nên anh chị mới có diện tích đất hiện trạng như ngày nay. Nay anh H1, chị H ly hôn bà cũng không thắc mắc, khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1, chị H, bà cũng không yêu cầu lấy lại diện tích đất đã cho anh H1, chị H; tuy nhiên bà không nhất trí chia đất cho chị H vì ông bà chỉ cho anh H1; nay phải giữ nguyên diện tích đất để cho con của anh H1, chị H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đúng, đầy đủ. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chia cho chị Nguyễn Thị H diện tích đất 216m^2, giáp với phần đất của bà Đạo, ông Minh, ông Núi trong đó có 22m^2 làm lối cổng đi, giáp với phần đất của bà Đạo và phần đất chia cho anh Nguyễn Văn H1, và được sử dụng các tài sản trên phần đất được chia bao gồm 01 nhà vệ sinh mái bê tông diện tích 09m^2, 01 mái tôn trước nhà vệ sinh diện tích 15m^2; chia cho anh Nguyễn Văn H1 được quyền sử dụng diện tích đất 264m^2 giáp với phần đất của cụ Đỗ Thị C, ông Nguyễn Như Núi và một phần đất giáp đường ngõ xóm và được sở hữu các tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 01 tầng, 01 tum diện tích sử dụng 81m^2, 01 lán mái tôn diện tích 25m^2, 01 sân gạch diện tích sử dụng 66m^2.

Anh Nguyễn Văn H1 không phải thanh toán chênh lệch về diện tích đất xong phải thanh toán chênh lệch về tài sản trên đất cho chị Nguyễn Thị H.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H xin chịu nên chị H phải chịu toàn bộ chi phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, về con chung chị không yêu cầu giải quyết và yêu cầu về chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Hùng nên quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự do các đương sự cư trú tại xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết nguyên đơn, bị đơn không đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; tuy nhiên qua việc thu thập chứng cứ thấy rằng khối tài sản nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đối với phần tài sản là quyền sử dụng đất có sự tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến quyền lợi của bà Đỗ Thị C, mặc dù bà C có quan điểm không đề nghị tham gia tố tụng, không liên quan gì, xong Tòa án vẫn xác định bà Đỗ Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 1995, sau khi kết hôn, chị H về ngay gia đình anh H1 làm dâu, được thời gian ngắn sau vợ chồng được bố mẹ

anh H1 cho ra ở riêng trên đất và nhà hiện tại; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp được cuộc sống, anh H1 có lối sống không lành mạnh nhiều lần bị cơ quan pháp luật xử lý, mặt khác anh H1 không chung thủy, có quan hệ, đi lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tuy anh chị vẫn sống chung cùng một nhà xong không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; trong những lẫn làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay cả chị H và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

[3.1] Về con chung: Chị H và anh H1 có hai con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1996 và cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1997, do cháu O đã từng có gia đình riêng, cuộc sống riêng; cháu D tuy chưa có gia đình xong cũng đã thành niên, việc cháu D ở với ai do cháu quyết định, nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia đôi diện tích đất; căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân anh chị có các tài sản gồm quyền sử dụng đất 330m^2 ở thửa đất số 556, tại tờ bản đồ số 17, ở thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (trong đó có 300m^2 đất ở và 30m^2 đất vườn) diện tích đo hiện trạng là 480.0m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 9 năm 2013 có nguồn gốc là do bố mẹ anh H1 cho tặng; mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh H1, chị H chỉ thể hiện diện tích là 330m^2 xong căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án khẳng định anh chị có diện tích đất thực tế là 480m^2, có sự chênh lệch trên là do sai số trong quá trình đo đạc, đo vẽ bản đồ địa chính và do anh chị được bố mẹ anh H1 cho thêm diện tích đất khi xây nhà lớn vào năm 2010 để mở rộng thêm diện tích; ly hôn chị H đòi yêu cầu chia đôi diện tích đất này để cho chị lấy chỗ ăn ở, sinh sống; anh H1 không đồng ý chia và cho rằng đây là diện tích đất của bố mẹ anh cho anh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc diện tích đất trên là sau khi anh H1 chị H kết hôn đã được bố mẹ anh H1 là cụ Nguyễn Văn T (đã chết năm 2017) và cụ bà Đỗ Thị C tặng cho anh chị; kể từ khi được tặng cho anh chị đã sinh sống, tạo dựng tài sản, xây tường bao loan để

ngăn cách các mốc giới xung quanh, đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 anh chị đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp, đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không ai có khiếu nại, thắc mắc, khởi kiện về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1 và chị H, Tòa án cũng đã lấy lời khai của bà Đỗ Thị C là mẹ anh H1 cũng khẳng định đã cho anh H1, chị H diện tích đất này, bà không đòi, không yêu cầu phải trả lại cho gia đình bà; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của anh H1 mà xác định đây là tài sản chung của anh H1, chị H, đủ căn cứ để chia tài sản cho chị H và anh H1. Điều này cũng phù hợp với nội dung của Án lệ số 03/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA, ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; tại Án lệ này thể hiện: *"Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng, nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành kê khai đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất"*.

Xét yêu cầu chia đôi diện tích đất của chị H để chị lấy chỗ ăn ở, sinh sống; Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu của chị H là có căn cứ vì đây là tài sản được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân của anh chị; ngoài chỗ ở này ra chị H không còn chỗ ở nào khác, bên cạnh đó chị đang phải cưu mang mẹ con cháu Nguyễn Thị Kim O sau khi kết hôn, cháu O đã ly hôn về ở với chị; mặt khác trên toàn bộ diện tích đất của anh chị vẫn còn phần đất trống, không ảnh hưởng đến công trình xây dựng, đủ điều kiện để chia đôi; nay để phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn nên cần chia cho chị H một phần diện tích đất để chị ổn định cuộc sống; tuy nhiên có xem xét đến nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ anh H1 cho, do đó khi phân chia tài sản cần giao cho anh H1 phần diện tích đất có giá trị lớn hơn mà không phải thanh toán chênh lệch cho chị H; do toàn bộ vị trí đất có lối cổng đi duy nhất là về phía bà Nguyễn Thị Đ để đi ra đường giao thông của xóm nên khi chia đối với người được chia vị trí bên ngoài thì cần dành lại cho người phía trong một phần vị trí đất để làm lối đi ra đường giao thông của xóm, có như vậy mới đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản; đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên; cụ thể nên chia cho anh H1 phần đất giáp hộ bà Đỗ Thị C

(mẹ anh H1), có diện tích là 264.0m^2 có giá trị là 660.000.000đồng, (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*); chia cho chị H phần đất giáp hộ ông Nguyễn Đức Minh, có diện tích là 194m^2 và một phần đất phía trước mặt phần đất giao cho anh H1 để dành lối đi cho chị H là 22m^2, tổng diện tích đất chia cho chị H có diện tích là 216m^2 (194m+ 22m) có giá trị là 540.000.000đồng; *(Năm trăm bốn mươi triệu đồng)* là phù hợp với thực tế sử dụng của các đương sự. Anh H1 không phải thanh toán chênh lệch cho chị H về diện tích đất.

[3.3]. Xem xét yêu cầu chia tài sản có trên đất; căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì chị H và anh H1 có các tài sản gồm: Những tài sản trên phần đất chia cho anh H1 là 01 ngôi nhà cấp bốn 01 tầng 01 tum, đổ mái bằng, xây năm 2010, diện tích sử dụng 81.0m^2 có giá trị = 90.420.000đồng; 01 sân gạch trước nhà diện tích sử dụng 66m^2 có giá trị = 2.000.000đồng; 01 lán mái tôn lát gạch phía dưới diện tích sử dụng 25.0m^2 có giá trị = 5.500.000đồng; những tài sản nằm trên phần đất chia cho chị H bao gồm 01 nhà vệ sinh khép kín xây gạch, mái bê tông, diện tích sử dụng 9.0m^2 có giá trị = 21.300.000đồng; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2 có giá trị = 2.500.000đồng; tổng giá trị tài sản là: 121.720.000đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*); do toàn bộ tài sản là vật đồng bộ, không thể cắt ra để chia nên giao cho anh H1 sử dụng những tài sản là 01 nhà cấp bốn diện tích sử dụng 81.0m^2, 01 sân gạch 66m^2, 01 lán mái tôn lát gạch diện tích sử dụng 25.0m^2; tổng giá trị là = 97.920.000đồng *(Chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*; giao cho chị H sở hữu, sử dụng 01 nhà vệ sinh khép kín mái bê tông diện tích sử dụng là 9.0m^2 có giá trị là 21.300.000đồng; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2 có giá trị = 2.500.000đồng; tổng giá trị tài sản là: 23.800.000 đồng (*Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng);* do tài sản này anh chị cùng tạo dựng được nên cần buộc anh H1 thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H là 37.060.000đồng *(Ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)*

Ngoài ra trên đất còn có hệ thống tường bao loan xung quanh thửa đất, 01 nhà bếp được xây bằng tường gạch mái ngói diện tích 9.0m^2 cùng các cây cối, lâm lộc trên đất; do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Do chị Nguyễn Thị H đã nộp tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản, nay chị H không yêu cầu gì về tiền chi phí tố tụng, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải chịu cùng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 33, 55, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

[2]. Chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 như sau:

[2.1]. Chia cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 216m^2 ở thửa đất số 556', tờ bản đồ số 17, tại thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 nhà vệ sinh khép kín mái bê tông diện tích sử dụng là 9.0m^2; 01 mái tôn trước nhà vệ sinh có diện tích là 15.0m^2. Tổng trị giá tài sản là 563.800.000 đồng *(Năm trăm sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng)*.

[2.2]. Chia cho anh Nguyễn Văn H1 được quyền sử dụng diện tích đất 264m^2 ở thửa đất số 556', tờ bản đồ số 17, tại thôn Thiếu Khanh, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn 01 tầng 01 tum, đổ mái bằng, xây năm 2010, diện tích sử dụng 81.0m^2; 01 sân gạch trước nhà diện tích sử dụng 66m^2 ; 01 lán mái tôn lát gạch phía dưới trước mặt nhà lớn diện tích sử dụng 25.0m^2. Tổng trị giá tài sản là 757.920.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*; (diện tích đất và tài sản trên đất chia cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có sơ đồ hiện trạng chi tiết kèm theo);

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện trình tự, thủ tục, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Buộc anh Nguyễn Văn H1 phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 37.060.000đồng *(Ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)*

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn H1 không thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ly hôn sơ thẩm và 28.034.400 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm ba mươi bốn nghìn)* án phí phân chia tài sản chung; tổng là 28.334.400đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.600.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/06167 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp số tiền là 22.734.000đồng (*Hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 32.834.400đồng, *(Ba mươi hai triệu tám trăm ba tư nghìn bốn trăm đồng)* án phí phân chia tài sản.

[4]. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám